

Bản án số: 148/2018/HS-PT  
Ngày: 15/11/2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**  
***T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

*Các Thẩm phán:* Bà Trần Thị Thu Hiền

Bà Trương Thị Lệ Thu

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 113/2018/HS-PT ngày 10 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị D do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2018/HS-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Trần Thị D;** sinh ngày 08/10/1981 tại xã H1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ1, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Hồng L và bà Nguyễn Thị H; chồng: Hồ Xuân T (hiện đang sống ly thân) và có 2 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa

***- Người bào chữa cho bị cáo:***

Ông Nguyễn Vinh D và ông Nguyễn Văn D - Luật sư Văn phòng luật sư Vinh Diện & cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; ông Nguyễn Vinh D có mặt tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn D vắng mặt.

***- Người bị hại không kháng cáo:***

Anh Lê Hữu T; sinh năm 1995; nghề nghiệp: Lao động tự do; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

Chị Nguyễn Thị Ánh T; sinh năm 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn M, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

2. Ông Phạm Văn B, trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

3. Ông Lưu Đình M, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

4. Anh Trần Bá V, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Thế C, trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

6. Chị Trần Thị P, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị L, trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

8. Chị Trần Thị K, trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (có mặt)

9. Chị Lê Thị N, trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

10. Bà Nguyễn Thị H, trú tại: xã Hương Lâm, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh (có mặt)

11. Ông Trần Hồng L, trú tại: xã Hương Lâm, huyện Hương Khê, Hà Tĩnh (có mặt)

12. Bà Nguyễn Thị L, trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

13. Anh Nghiêm Minh Q, trú tại: Tổ dân phố 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt)

14. Chị Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn Đại Lợi, xã Đức Yên, huyện Đ, Hà Tĩnh (vắng mặt)

- Bị cáo không kháng cáo: Nguyễn S, sinh ngày: 28/8/1990, trú tại: thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh; hiện đang thi hành án tại trại giam Xuân Hà, Bộ Công an; có mặt.

### **NỘI D V U ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án có nội D như sau:

Vào ngày 21/12/2017, trong lúc đang bán hàng tại chợ Hôm (tại thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh), chị Nguyễn Thị Ánh T có lấy trộm một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J320 của Trần Thị D trị giá 1.200.000 đồng nhưng sau đó đã trả lại cho D. Đến sáng ngày 28/12/2017, anh Nguyễn S (có vợ bán hàng cho D) ra dọn hàng cho D thì S và chị T xảy ra mâu thuẫn, được mọi người can ngăn nên không có sự việc gì xảy ra.

Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 28/12/2017, anh Lê Hữu T đi đến nhà bà ngoại là Nguyễn Thị L thì nghe bà Lam nói: Khi sáng có chuyện gì mà S đòi đập mẹ. Nghe vậy, T liền đi ra quầy bán hàng của mẹ và hỏi: S đòi đập mẹ à. Chị T trả lời: Không có việc gì nên T lấy xe đi về. Khi đi đến nhà xe thì thấy S, do bức tức việc S nói lời xúc phạm đến mẹ mình nên T đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Liberty, biển kiểm soát 38D1-185.41 đâm vào người làm S ngã xuống đất, S đứng dậy bỏ chạy vào trong chợ thì T đuổi theo dùng ghế nhựa đánh vào người S, gây thương tích nhẹ và được mọi người can ngăn, nên T lấy xe đi về.

Vào khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, chị T gọi điện thoại cho T và nói: Con trốn đi, D đang gọi người đánh con đó. Nghe vậy, T vào nhà lấy một ống tuýp sắt (một đầu đập dẹp) đến quầy bán hàng của D, nói: “*Mi điện cho ai thì điện đi*”. Đồng thời, dùng ống tuýp đánh vào vai D làm chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J320 D đang cầm trên tay rơi xuống đất vỡ màn hình (trị giá cần phải sửa là 1.050.000 đồng). Lúc này, D cầm túi xách của mình vứt xuống đất và nói: “*Hơn hai mươi triệu của tao đó*”, thì được mọi người can ngăn, nên T cầm ống tuýp đi về, còn D đi vào quầy bán hàng của mình ở phía trong đình chợ lấy một con dao bầu ra cất giữ ở quầy bán hàng tại khu vực cổng chợ.

Đến khoảng 11 giờ 45 phút cùng ngày, T tiếp tục điều khiển xe mô tô nói trên đi ra chợ để phụ giúp mẹ việc bán hàng vào buổi trưa. Lúc này, S đang ở nhà xe, nhìn thấy T tới, nghĩ T sẽ đánh mình, nên đi lại khu vực quầy bán hàng

của D ở công chợ thì phát hiện có một chiếc cưa, S liền cầm lấy và quay ra đuổi theo T (khi đó đã gửi xe vào bãi). Khi chạy đến khu vực công chợ, S nhìn thấy D cầm dao cũng đang đuổi theo để đánh T, nên S chạy tắt đến khu vực bán hoa quả của chị Trần Thị P (phía trước hướng T chạy). Đúng lúc đó, T vừa chạy tới, nghĩ S cầm cưa chặn đánh mình, nên T lấy một cái chổi, cán bằng gỗ của bà Nguyễn Thị L, xông về phía S, đồng thời S cũng xông về phía T, làm cho cả hai đều rơi hung khí và lao vào ôm nhau vật lộn ở mặt đường, lúc này D đuổi kịp dùng dao chém nhiều nhất trúng vào đỉnh đầu, cẳng chân phải, cẳng tay phải và cẳng tay trái của T. S cũng bị dao của D chém trúng ở tay bị thương nên đứng dậy đi băng bó vết thương. Ông Phạm Văn M là người can ngăn, cũng vướng dao của D bị thương ở ngón tay.

Sau khi sự việc xảy ra, D vứt con dao tại hiện trường và đi lại quây bán hàng của mình, T được mọi người đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện 115 tỉnh Nghệ An đến ngày 03/01/2018 thì sức khỏe ổn định, ra viện.

Tại bản kết luận giám định số 23/TgT ngày 01/3/2018 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Tĩnh xác định: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 29%, vết thương do vật sắc tác động trực tiếp gây nên.

Đối với Trần Thị D, sau đó cũng vào Bệnh viện đa khoa huyện Đ, bệnh viện 115 tỉnh Nghệ An điều trị từ ngày 28/12/2017 đến ngày 01/01/2018 thì ra viện. Ngày 27/4/2018 Trần Thị D làm đơn yêu cầu được giám định thương tích của mình và đến ngày 15/5/2018, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Hà Tĩnh có Kết luận giám định pháp y về thương tích số 44/TgT, xác định: Trần Thị D bị chấn động não điều trị chưa ổn định; chấn thương cột sống thắt lưng không để lại di chứng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 10% vết thương do vật tày gây nên.

Thương tích của Trần Thị D nói trên, hiện nay ngoài lời khai của D ra thì những người làm chứng Trần Bá Vích, Lưu Đình Minh, người liên quan Nguyễn Thị Ánh T, bị hại anh Lê Hữu T đều xác nhận T chỉ đánh trúng bả vai bên trái, chứ không đánh vào đầu như D đã khai và quá trình đánh vào vai D, không làm D ngã hay chấn vào vật gì gây thương tích, nên chưa có cơ sở để kết luận ai đã gây ra thương tích cho D. Hơn nữa thương tích của D có căn cứ phải trưng cầu giám định lại.

#### ***Về trách nhiệm dân sự:***

Bị hại Lê Hữu T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 79.480.000 đồng. Bị cáo Trần D yêu cầu bị hại T bồi thường số tiền 56.384.066 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh đã tuyên bố bị cáo Trần Thị D và Nguyễn S phạm tội "*Cố ý gây thương tích*".

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm e khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị D 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn S 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và 590 BLDS.

Buộc bị cáo Trần Thị D bồi thường cho anh Lê Hữu T số tiền 31.421.500 đồng (Ba một triệu bốn trăm hai một ngàn năm trăm đồng).

Buộc bị cáo Nguyễn S bồi thường cho anh Lê Hữu T số tiền 17.139.000 đồng (Mười bảy triệu một trăm ba chín ngàn đồng).

Buộc anh Lê Hữu T bồi thường cho bị cáo Trần Thị D số tiền 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Bác yêu cầu của bị cáo Trần Thị D về việc yêu cầu bồi thường số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Tách yêu cầu của bị cáo Trần Thị D về việc bồi thường số tiền 26.884.066 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm tám tư ngàn không trăm sáu sáu đồng) để giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/8/2018 bị cáo Trần Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu xác định bị cáo không phạm tội; xác định trách nhiệm hình sự của T về tội cố ý gây thương tích cho bị cáo; buộc anh T phải bồi thường cho bị cáo; không buộc bị cáo phải bồi thường cho T và giải quyết các nội D khác của vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích hành vi phạm tội của và đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị D đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị D. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo nguyên nhân chính là do bị hại gây nên, vết thương của bị cáo D cũng xác định là do bị hại gây nên tuy nhiên đến nay vẫn chưa thấy khởi tố đối với hành vi này bên cạnh đó cần xác định lại phần lỗi của các bị cáo cũng như bị hại từ đó xác định mức hình phạt, bồi thường phù hợp vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 BLTTHS hủy bản án sơ thẩm, điều tra lại vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

**[1]** Về tố tụng: Xét kháng cáo của bị cáo Trần Thị D làm trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

**[2]** Xét nội D đơn kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì sự việc bắt nguồn từ việc ngày 21/12/2017 chị T lấy trộm điện thoại của D nhưng sau đó chị T đã trả lại tài sản cho D và hai bên đã giải hòa với nhau. Đến ngày 28/12/2017, T đi ra chợ lần thứ nhất có hành vi dùng xe đâm, dùng ghế nhựa đánh S nhưng gây thương tích nhẹ, S từ chối giám định thương tích. T đi về nhà thì nghe mẹ gọi điện nói trốn đi vì D đang tìm để đánh, T cầm ống tuýp sắt đi ra chợ gặp D và hai bên có cãi nhau nên T dùng ống tuýp sắt đánh D nhưng được mọi người can ngăn. Sau đó T đi về còn D đi lấy 01 con dao bầu cất giấu và ở lại ở bán hàng để giải quyết mâu thuẫn với T. Sau khi T về nhà được khoảng 15 phút thì lái xe mô tô đi ra chợ để trông hàng cho mẹ mà không cầm theo hung khí và không có hành vi tiếp tục đánh D và S. Tuy nhiên khi thấy T đến thì D cầm dao, S cầm cưa đuổi theo vật lộn và D chém gây thương tích cho T. Những người làm chứng có mặt tại hiện trường như ông Phạm Văn M, ông Phạm Văn B, anh Trần Bá V, Nguyễn Thế C, ông Lưu Đình M và cả bị cáo Nguyễn S cũng thừa nhận điều này. Bị cáo cho rằng lời khai của những người làm chứng này không khách quan là không có cơ sở bởi giữa bị cáo, bị hại và những người này không có mâu thuẫn và cũng không có mối quan hệ thân thiết với nhau. Mặt khác, theo lời khai của bị cáo Trần Thị D trong hồ sơ vụ án thể hiện có khi D khai nhận D và S rượt đuổi và D dùng dao chém T nhưng có lúc thì khai D không chém T.

Bị cáo Trần Thị D cho rằng việc bị cáo gây thương tích cho anh T là do có hành vi trái pháp luật của bị hại đối với bị cáo và dẫn đến việc bị cáo bị bị kích động mạnh về tinh thần. Tuy nhiên, hành vi của bị hại đối với bị cáo đã chấm dứt trước đó và trong thời gian này bị cáo D vẫn ở lại ốt bán hàng, đồng thời chuẩn bị công cụ để gây thương tích cho T nên xét về mặt thời gian để bị cáo suy nghĩ bình tĩnh và giải quyết theo hướng tích cực hơn là có nên không thể nói hành vi của bị cáo gây ra là do hành vi trái pháp luật của T dẫn đến việc bị cáo bị kích động mạnh về mặt tinh thần. Việc bị cáo Trần Thị D gây thương tích cho Lê Hữu T cũng đã được bị cáo Nguyễn S khai đầy đủ tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm.

Trong vụ án này, xét về nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo cũng do một phần lỗi của người bị hại gây bức xúc cho bị cáo nhưng chưa đến mức gây kích động mạnh về mặt tinh thần đối với bị cáo. Do đó việc tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Trần Thị D về tội “Cố ý gây thương tích”, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây ra” và buộc bị cáo phải bồi thường về dân sự cho bị hại Lê Hữu T là có căn cứ đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đối với việc xác định trách nhiệm hình sự của người bị hại Lê Hữu T về việc gây thương tích cho bị cáo: Theo bị cáo trình bày thương tích 10% bao gồm thương tích do chấn động não và chấn thương cột sống thắt lưng của bị cáo là do hành vi của bị hại Lê Hữu T đã dùng ống tuýp kim loại đánh bị cáo gây nên. Tuy nhiên căn cứ lời khai của những người làm chứng như anh Vích, ông Minh, chị T và người bị hại đều xác định T chỉ đánh vào bả vai bên trái của bị cáo D chứ không phải vào đầu như bị cáo khai và việc bị cáo bị đánh vào vai không làm bị cáo ngã hay va chạm vào vật gì dẫn đến gây thương tích. Việc chứng minh hành vi của anh T dùng ống tuýp đánh bị cáo D có đủ yếu tố cấu T tội phạm hay không và xét lời khai của nhân chứng, bị cáo, bị hại còn có mâu thuẫn nên cơ quan điều tra đã tách ra nhằm tiếp tục thu thập tài liệu, chứng cứ để xử lý sau là phù hợp và không làm thay đổi tính chất hành vi của các bị cáo. Bởi giữa các hành vi trên có sự độc lập nhau nên không bắt buộc phải xem xét xử lý trong cùng vụ án này. Do đó cũng chưa có căn cứ để xác định việc bị hại Lê Hữu T phải bồi thường đối với thương tích 10% của bị cáo Trần Thị D. Đồng thời, kiến nghị với cơ quan điều tra công an huyện Đ khẩn trương tiến hành xem xét, trưng cầu, giám định lại thương tích của D để có cơ sở giải quyết.

Xét các nội D kháng cáo của bị cáo Trần Thị D không có cơ sở chấp nhận nên cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Trần Thị D không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị D.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 11/2018/HSST ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh.

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị D** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm e khoản 1 Điều 51, Điều 58 BLHS 2015 xử phạt bị cáo Trần Thị D 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 BLHS 2015, Điều 584, 585, 586, 587, 589 và 590 BLDS 2015.

Buộc bị cáo Trần Thị D bồi thường cho anh Lê Hữu T số tiền 31.421.500 đồng (*Ba một triệu bốn trăm hai một ngàn năm trăm đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.*

*Trong thời hạn 5 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền gửi đơn yêu cầu thi hành án đến Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ yêu cầu thi hành án. Quá thời hạn nói trên người phải thi hành án và người được thi hành án mất quyền yêu cầu thi hành án.*

Bác yêu cầu của bị cáo Trần Thị D về việc bồi thường số tiền 24.000.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu đồng*).

Tách yêu cầu của bị cáo Trần Thị D về việc bồi thường số tiền 26.884.066 đồng (*Hai mươi sáu triệu tám trăm tám tư ngàn không trăm sáu sáu đồng*) để giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; khoản 1, 3 Điều 21, điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án buộc bị cáo Trần Thị D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận và 2.771.000 đồng (*Hai triệu bảy trăm bảy mốt ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- PV 27 – Công an tỉnh Hà Tĩnh
- TA, CA, VKS, THA sơ thẩm;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thương Huyền**